

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 314/2025/DS - PT

Ngày 03 - 9 - 2025

V/v “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Ông Vương Minh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 315/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 310/2025/QĐ – PT ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) (có mặt).

-**Bị đơn:**

1. Bà **Trần Hồng N1**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Hồng N1: Luật sư Phạm Thị Thiên N2, Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1955 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy N3, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976 (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thùy N3, ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đình K: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2024.

4. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn H1: Bà Trần Hồng N1, sinh năm 1964. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2024.

5. Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K2: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

6. Bà Nguyễn Thị Ánh N4, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: N, đường Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là, phường T, tỉnh Vĩnh Long).

7. Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng D1: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024.

8. Chị Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng X: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2024.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Hồng N1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H có thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.960m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nguồn gốc thửa đất 430 là của ông nội ông H là ông Nguyễn Văn T1 để lại cho ông H. Đến ngày 27/9/1995 thì ông H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông H về huyện T thì ông H để lại thửa đất này cho cháu ông H là chị Nguyễn Thị Thùy N3 quản lý, cất nhà ở cho đến nay. Thửa đất này giáp ranh với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.270m² của bà Nguyễn Thị T2 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1994. Sau đó, bà T2 tặng cho thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Ánh N4, bà T2 và bà N4 chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Trần Hồng N1. Quá trình sử dụng, khi bà N1 làm thủ tục sang tên từ bà T2 qua cho bà N1 thì có mời địa chính xuống đo đạc lại do các bên không thống nhất ranh đất nên phát sinh tranh chấp.

Trước đây trong đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn H có yêu cầu:

1. Buộc bà Trần Hồng N1 phải trả lại cho ông H phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 3,5m, chiều dài 85m, diện tích 297,5m² thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1960m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bà N1 di dời tất cả các loại tài sản có trên đất tranh chấp, ông H không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông H phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 1,5m, chiều dài 36m, diện tích 54m² thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1960m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu ông T di dời tất cả các loại tài sản có trên đất tranh chấp, ông H không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời. Đồng thời, buộc ông T bồi thường giá trị 04 cây dừa mà ông T đã chặt.

Tuy nhiên sau khi khởi kiện thì giữa ông H và ông T đã thỏa thuận được ranh đất nên ông H đã có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T, ông N cũng thống nhất việc này, không có ý kiến gì.

Nay ông N yêu cầu bà Trần Hồng N1 trả lại cho ông H phần diện tích đất tranh chấp ký hiệu A diện tích 191.9m² và yêu cầu bà N1 di dời tất cả các loại tài sản có trên đất tranh chấp, ông H không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời.

Bà Trần Hồng N1 là bị đơn trình bày: Hiện nay bà đang quản lý, sử dụng thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02, diện tích 3270m² do bà Nguyễn Thị T2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này bà nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị T2 có làm giấy tay lập ngày 03 tháng 4 năm 2011, giá chuyển nhượng là 140.000.000 đồng, sau đó bà N1 giao đủ tiền cho bà T2. Khi bà N1 nhận chuyển nhượng thửa đất số 215 từ bà Nguyễn Thị T2 thì bà chuyển nhượng toàn

bộ diện tích thửa đất này theo Tờ nhượng đất. Bà T2 không đứng ra chỉ ranh cho bà N1, tuy nhiên đất giáp với ông H đã có trụ đá làm ranh sẵn, trụ đá này là thỏa thuận ranh đất giữa bà T2 và ông Hoàng C, còn cặm khi nào thì bà hoàn toàn không biết. Tháng 4 năm 2012 thì bà T2 chết (bà T2 không có chồng, con), sau đó bà mới quản lý sử dụng đất cho đến nay, sau khi nhận đất sử dụng thì bà có tiền hành cặm trụ đá, làm hàng rào lưới B40 và trồng một số cây mít. Bà được biết thì thửa đất này khi còn sống vào năm 2004 thì bà T2 có lập di chúc để lại cho bà Nguyễn Thị Ánh N4 (cháu bà T2), đến năm 2009 thì bà T2 làm hợp đồng tặng cho cũng thửa đất trên, tuy nhiên khi bà thống nhất chuyển nhượng thửa đất này thì bà N4 có lập “Giấy từ chối nhận tài sản di chúc” đối với thửa đất này nên bà mới đồng ý chuyển nhượng. Nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà phải trả lại cho ông H phần đất diện tích đo đạc thực tế ký hiệu A diện tích 191.9m², yêu cầu bà phải di dời tất cả các loại tài sản có trên đất tranh chấp thì bà không đồng ý vì bà đã sử dụng đúng diện tích mà bà đã chuyển nhượng từ bà T2 và theo hiện trạng thỏa thuận ranh đất giữa bà T2 và ông H đã có cặm trụ đá trước đó, bà không có lần đất của ông H như ông N trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N3 trình bày: Ông H có thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1960m², tọa lạc: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông H về huyện T khoảng năm 1998 thì ông H để lại thửa đất này cho cha của bà là Nguyễn Hoàng N5 quản lý sử dụng, do lớn tuổi nên cha bà giao lại cho bà quản lý, cất nhà ở cho đến nay. Nay bà thống nhất với ý kiến, lời trình bày của ông H và người đại diện của ông H là ông Nguyễn Lê N, không có yêu cầu gì trong vụ án trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh N4 trình bày: Nguồn gốc của thửa đất số 215 là của bà Nguyễn Thị T2 (bà T2 là di ruột của bà). Bà T2 không có chồng, con nên bà sống chung với bà T2 từ nhỏ đến năm 1985 thì bà về Vĩnh Long sinh sống, tuy nhiên bà vẫn tới lui để chăm sóc bà T2. Thửa đất này giáp ranh với thửa đất của ông Nguyễn Văn H. Năm 2012 thì bà T2 chết, việc bà T2 thực tế có chuyển nhượng thửa đất trên cho bà N1 hay không thì bà không biết. Tuy nhiên, bà cũng thống nhất việc bà T2 chuyển nhượng thửa đất này cho bà N1 vì sau khi bà T2 chết bà là người giao đất cho bà N1 sử dụng và có ra chỉ ranh đất cho bà N1 biết. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Đình K trình bày: Thống nhất với ý kiến, lời trình bày của ông H và người đại diện của ông H là ông Nguyễn Lê N không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng D và chị Nguyễn Thị Hồng X trình bày: Chị Nguyễn Thị Hồng D và chị Nguyễn Thị Hồng X thống nhất với lời trình bày của ông N, không bổ sung gì thêm.

Bà Trần Hồng N1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà N1, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Vĩnh Long) đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trần Hồng N1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H phần đất tranh chấp diện tích 191,9m² (phần ký hiệu A, vị trí, tứ cận theo Sơ đồ khảo sát thửa đất kèm theo Công văn số 60/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 21/3/2025) thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1960m², tọa lạc: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản trên đất tranh chấp: Buộc bà Trần Hồng N1 tháo dỡ di dời hàng rào lưới B40, trụ đá diện tích (21,7m x 1,7m) + (32,2m x 1,5m) = 85,19m² ra khỏi phần đất tranh chấp.

Giao cho ông Nguyễn Văn H được sở hữu các loại cây trồng gắn liền trên đất gồm: 02 cây chuối, 32 cây mít từ 02 đến 05 năm tuổi, 01 cây dừa 03 đến dưới 07 năm tuổi. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng là 32 cây mít từ 02 đến 05 năm tuổi cho bà Trần Hồng N1 theo biên bản định giá ngày 13/6/2024 là 16.640.000đ.

2. Đình chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông H phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 1,5m, chiều dài 36m, diện tích 54m² thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1960m², tọa lạc: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Văn H đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu ông T di dời tất cả các loại tài sản có trên đất tranh chấp, ông H không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời. Đồng thời, buộc ông T bồi thường giá trị 04 cây dừa mà ông T đã chặt.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá; nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Trần Hồng N1 di dời 32 cây mít, ông không đồng ý bồi thường 32 cây mít.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, bị đơn bà Trần Hồng N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Lê N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn bà Trần Hồng N1 giữ nguyên đơn kháng cáo. Giữa ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N3, ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị Hồng D, chị Nguyễn Thị Hồng X với bị đơn bà

Trần Hồng N1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Theo thỏa thuận thì ông Nguyễn Văn H, bà Trần Hồng N1 thống nhất dành phần diện tích đất đang tranh chấp 191,9m² (phần ký hiệu A) thuộc thửa 430, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) làm lối đi chung cho gia đình ông Nguyễn Văn H và gia đình bà Trần Hồng N1; bà Trần Hồng N1 có nghĩa vụ di dời các cây trồng và công trình (nếu có) của bà N1 trên phần đất làm lối đi chung này; Về chi phí thẩm định, định giá, ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu số tiền 5.055.883đ, bà Trần Hồng N1 tự nguyện chịu số tiền 4.565.883đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Hồng N1 cho rằng: Tại phiên tòa hôm nay giữa ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N3, ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị Hồng D, chị Nguyễn Thị Hồng X với bị đơn bà Trần Hồng N1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, vị kiểm sát viên cho rằng: Giữa ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N3, ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị Hồng D, chị Nguyễn Thị Hồng X với bị đơn bà Trần Hồng N1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nội dung thỏa thuận của đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, giữa ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N3, ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị Hồng D, chị Nguyễn Thị Hồng X với bị đơn bà Trần Hồng N1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Theo thỏa thuận thì ông Nguyễn Văn H, bà Trần Hồng N1 thống nhất dành phần diện tích đất đang tranh chấp 191,9m² (phần ký hiệu A) thuộc thửa 430, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) làm lối đi chung cho gia đình ông Trần Văn H2 và gia đình bà Trần Hồng N1; bà Trần Hồng N1 có nghĩa vụ di dời các cây trồng và công trình (nếu có) của bà N1 trên phần đất làm lối đi chung này; Về chi phí thẩm định, định giá, ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu số tiền

5.055.883đ, bà Trần Hồng N1 tự nguyện chịu số tiền 4.565.883đ. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần hồng N1; ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Hồng N1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà N1, ông H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Hồng N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Vĩnh Long).

Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Lê N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N3, ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị Hồng D, chị Nguyễn Thị Hồng X với bị đơn bà Trần Hồng N1:

Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Hồng N1 thống nhất dành phần diện tích đất đang tranh chấp 191,9m² (phần ký hiệu A) thuộc thửa 430, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) làm lối đi chung cho gia đình ông Nguyễn Văn H và gia đình bà Trần Hồng N1; bà Trần Hồng N1 có nghĩa vụ di dời các cây trồng và công trình (nếu có) của bà N1 trên phần đất làm lối đi chung này. Phần diện tích đất 191,9m² (phần ký hiệu A) có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 430 có chiều dài 87,42m.

Hướng Tây giáp thửa 215 có chiều dài 87,40m.

Hướng Nam giáp thửa 216 có chiều dài 2,9m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 430 có chiều dài 1,5m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 60/VPĐKĐĐ - KTĐC ngày 21/3/2025).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H: Yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông H phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 1,5m, chiều dài 36m, diện tích 54m² thuộc thửa đất số 430, tờ bản đồ số 2, diện tích 1960m², tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); yêu cầu ông T di dời tất cả các loại tài sản có trên đất tranh chấp, ông H không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời và buộc ông T bồi thường giá trị 04 cây dừa mà ông T đã chặt.

3. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu số tiền 5.055.883đ (*Năm triệu không trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi ba đồng*); bà Trần Hồng N1 tự nguyện chịu số tiền 4.565.883đ (*Bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi ba đồng*). Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Hồng N1 đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Hồng N1.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Hồng N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

Đặng Văn Hùng